

Tràng giang

A. Nội dung tác phẩm

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

H.C

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

B. Tìm hiểu tác phẩm

1. Tác giả

*Tiểu sử

- Huy Cận (1919-2005) quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
- Thuở nhỏ ông học ở quê rồi vào Huế học hết trung học.
- Năm 1939 ra Hà Nội học ở Trường Cao đẳng Canh nông.
- Từ năm 1942, Huy Cận tích cực hoạt động trong mặt trận Việt Minh sau đó được bầu vào ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc.
- Sau Cách mạng tháng Tám, giữ nhiều trọng trách quan trọng trong chính quyền cách mạng.
- Sau này ông làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa, rồi Bộ trưởng đặc trách Văn hóa Thông tin trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phụ trách các công tác văn hóa và văn nghệ.
- Từ 1984, ông là Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Ngoài ra, ông còn là Đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa I, II và VII.

*Sự nghiệp văn học

- Phong cách nghệ thuật:
 - + Huy Cận là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ mới với hồn thơ ảo não.
 - + Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng triết lí.
- Tác phẩm chính:
 - + Trước Cách mạng tháng Tám: *Lửa thiêng*, *Kinh cầu tự*, *Vũ trụ ca*
 - + Sau Cách mạng tháng Tám: *Trời mỗi ngày lại sáng*, *Đất nở hoa*, *Chiến trường gần đến chiến trường xa...*

*Vị trí và tầm ảnh hưởng

- Huy Cận đã được Nhà nước phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - năm 1996).
- Tháng 6 năm 2001, Huy Cận được bầu là viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ Thế giới.
- Ngày 23 tháng 2 năm 2005, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Sao Vàng.

2. Tác phẩm

- Xuất xứ: in trong tập thơ **Lửa thiêng** (tập thơ đầu tay, sáng tác khoảng 1937 – 1940).
- Hoàn cảnh sáng tác: Vào mùa thu năm 1939 khi đứng trước sông Hồng mênh mông sóng nước.
- Thể loại: Thơ bảy chữ.
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.
- Nhan đề:
 - Từ Hán Việt **Tràng giang** (sông dài) → gợi không khí cổ kính.
 - Hiệp vần **ang**: tạo dư âm vang xa, trầm lắng, mênh mang.⇒ Gợi không khí cổ kính, khái quát nỗi buồn mênh mang, rợn ngợp.
- Lời đề từ: **Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài**
 - **Bâng khuâng**: thể hiện được nỗi lòng của nhà thơ, thấy mênh mông, vô định, khó tả nỗi cảm xúc trước không gian rộng lớn.
 - **Trời rộng** được nhân hóa **nhớ sông dài**, cũng chính là ẩn dụ nỗi nhớ của nhà thơ.
 - Thể hiện nội dung tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của tác giả:
 - + Nỗi buồn trước cảnh vũ trụ bao la bát ngát.
 - + Hình ảnh thiên nhiên rộng lớn, tâm sự của cái tôi cô đơn mang nhiều nỗi niềm.→ Câu này là khung cảnh để tác giả triển khai toàn bộ cảm hứng.
- Bố cục: 2 phần
 - Phần 1 (Hai khổ thơ đầu): Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhà thơ.

- Phần 2 (Hai khổ thơ cuối): Tình yêu quê hương, đất nước thâm kín, sâu sắc.

h. Giá trị nội dung: Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết.

i. Giá trị nghệ thuật:

- Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại.

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm.

C. Đọc hiểu tác phẩm

1. Khổ 1

- Hình ảnh: *sóng gợn, thuyền, nước song song*

→ Cảnh sông nước mênh mông, vô tận, bóng con thuyền xuất hiện càng làm cho nó hoang vắng hơn.

- *Củi một cành khô >< lạc mấy dòng* trên nước

→ Sự chìm nổi cô đơn, biểu tượng về thân phận con người lênh đênh, lạc loài giữa dòng đời.

- Tâm trạng: *buồn điệp điệp*

→ Từ láy gợi nỗi buồn thương da diết, miên man không dứt.

⇒ Với khổ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu và cách gieo vần nhịp nhàng và dùng nhiều từ láy, khổ thơ đã diễn tả nỗi buồn trầm lắng của tác giả trước thiên nhiên.

2. Khổ 2

- Cảnh sông: *lơ thơ cồn nhỏ, gió đìu hiu* gợi lên cái vắng lặng, lạnh lẽo cô đơn đến rợn ngợp.

- Âm thanh: Tiếng *chợ chiều* gợi lên cái mơ hồ, âm thanh yếu ớt gợi thêm không khí tàn tạ, vắng vẻ tuy thoáng chút hơi người.

- Hình ảnh: Trời sâu chót vót cách dùng từ tài tình, ta như thấy bầu trời được nâng cao hơn, khoáng đãng hơn.

- **Sông dài, trời rộng >< bến cô liêu**: Sự tương phản giữa cái nhỏ bé và cái vô cùng gợi lên cảm giác trống vắng, cô đơn.

⇒ Với cách gieo vần tài tình, âm hưởng trầm bổng, Huy Cận như muốn lấy âm thanh để xoá nhoà không gian buồn tẻ hiện hữu nhưng không được. Nhà thơ cố tìm sự giao cảm với vũ trụ cao rộng nhưng tất cả đều đóng kín.

3. Khổ 3

- Hình ảnh **bèo** → Diễn tả thân phận, kiếp người chìm nổi.

- Câu hỏi **về đâu** gợi cái bơ vơ, lạc loài của kiếp người vô định.

- **Không cầu, không dò** → Không có sự giao lưu kết nối đôi bờ niềm khao khát mong chờ đau đáu dấu hiệu sự sống trong tình cảnh cô độc.

⇒ Đó là một bức tranh thiên nhiên thảm đượm tình người, mang nặng nỗi buồn băng khuâng, nỗi bơ vơ của kiếp người.

4. Khổ 4

- Hình ảnh ước lệ, cổ điển: **Mây, chim**,... vẽ lên bức tranh chiều tà đẹp hùng vĩ, êm ả, thơ mộng.

- Tâm trạng: **Không khói**,... âm hưởng Đường thi nhưng cách thể hiện mới. Nỗi buồn trong thơ xưa là do thiên nhiên tạo ra, còn ở Huy Cận không cần nhờ đến thiên nhiên, tạo vật mà nó tiềm ẩn và bộc phát tự nhiên vì thế mà nó sâu sắc và da diết vô cùng.

⇒ Đằng sau nỗi buồn, nỗi sầu trước không gian và vũ trụ là tâm sự yêu nước thầm kín của một trí thức bơ vơ, bế tắc trước cuộc đời.

D. Sơ đồ tư duy

